Viết chữ Hán đúng với hình ảnh





--------.

--------.





--------.

--------.





--------.

--------.





--------.

--------.

LIVEWORKSHEETS

Nghe, điền vào chỗ trống

A: 大卫，好久不见。最近_____什么呢?

B: 找房子呢，我想_____到外面去。

A: 住在学校里不好吗？你看，学校里有_____、食堂，还有邮局和银行，多_____啊。离教室也很近，每天你可以多睡会儿懒觉，而且房租也_____外面的便宜。

B: 可是学校的宿舍没有厨房，房间里也没有_____，生活有些不方便。最主要的是，周围都是留学生，对练习汉语没好处。

A: 你说的也是。

B: 你帮我注意一下有没有_____的房子，好不好?

A: 没问题，我有一个朋友就在_____公司工作。

LIVEWORKSHEETS